

ỦY BAN DÂN TỘC  
Số: 01/2019/TT-UBDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2019

<b>BAN DÂN TỘC TỈNH BÌNH ĐỊNH</b>	
Số: 1277	.....
<b>ĐẾN</b> Ngày: 02/7/2019	.....
Chuyển: <i>Đ. Văn...</i>	.....
Lưu hồ sơ số: .....	.....

## THÔNG TƯ

### Quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 138/2016/NĐ-CP, ngày 01/10/2016 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP, ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 42/2014/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp,

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư Quy định chế độ báo cáo công tác dân tộc.

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định đối tượng, nội dung, phương thức thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất về công tác dân tộc trên phạm vi cả nước.

2. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo này bao gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi là các bộ) có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân các cấp) có nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc;

c) Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh;

- d) Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- e) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện chế độ báo cáo công tác dân tộc.

## **Điều 2. Các loại báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ: Là báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp về công tác dân tộc, được thực hiện theo một chu kỳ xác định và lặp lại nhiều lần, bao gồm báo cáo tuần, tháng, quý, 6 tháng đầu năm và năm.

2. Báo cáo chuyên đề: Là báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin có tính chuyên sâu về một chủ đề nào đó về công tác dân tộc và phải thực hiện một hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian nhất định.

3. Báo cáo đột xuất: Là báo cáo được ban hành để đáp ứng yêu cầu thông tin về vấn đề phát sinh bất thường về công tác dân tộc.

## **Điều 3. Yêu cầu của báo cáo**

1. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng hình thức, nội dung yêu cầu của từng loại báo cáo; nhằm phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành về công tác dân tộc của cơ quan và người có thẩm quyền.

2. Đảm bảo tính thống nhất, rõ ràng, công khai, cung cấp và chia sẻ thông tin, dữ liệu báo cáo.

3. Đảm bảo khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo, đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

## **Điều 4. Phương thức gửi, nhận báo cáo**

1. Báo cáo được thực hiện bằng văn bản hành chính (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử), do người có thẩm quyền ký (báo cáo dưới hình thức văn bản giấy phải đóng dấu cơ quan, đơn vị nếu có con dấu riêng); được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, fax, hệ thống thư điện tử, phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng, các phương thức khác theo quy định của pháp luật, đồng thời gửi file word hoặc bản định dạng pdf của báo cáo dưới hình thức văn bản giấy qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ nơi nhận được quy định tại Điều 7 của Thông tư này.

2. Đối với các báo cáo ứng dụng báo cáo trực tuyến trên phần mềm và sử dụng chữ ký điện tử phê duyệt thì không cần báo cáo giấy, trừ trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật, sự việc bất khả kháng.

3. Đối với báo cáo đột xuất, trong trường hợp đặc biệt, khẩn cấp, cần báo cáo gấp những vụ việc về công tác dân tộc thì báo cáo nhanh bằng mọi phương thức có thể, như: Thư điện tử, fax, tin nhắn hoặc điện thoại trực tiếp.

## **Điều 5. Thời gian chốt số liệu, thông tin báo cáo định kỳ**

Thời gian chốt số liệu, thông tin báo cáo là khoảng thời gian tính từ thời điểm bắt đầu lấy số liệu, thông tin của kỳ báo cáo đến thời điểm kết thúc lấy số liệu, thông tin để xây dựng báo cáo.

1. Báo cáo tuần: Tính từ ngày thứ Sáu tuần trước đến hết ngày thứ Năm của tuần báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 tháng trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

4. Báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm: Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo.

5. Báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

### **Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo**

Đối với báo cáo sử dụng chữ ký điện tử: Thời hạn gửi báo cáo tính theo thời điểm gửi báo cáo.

Đối với báo cáo thực hiện bằng văn bản giấy: Thời hạn gửi báo cáo tính theo thời điểm gửi file word hoặc bản định dạng pdf của báo cáo qua hệ thống thư điện tử.

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo tuần: Chậm nhất là 14 giờ ngày thứ năm của tuần báo cáo;

b) Báo cáo tháng: Chậm nhất là ngày 20 của tháng báo cáo;

c) Báo cáo quý: Chậm nhất là ngày 20 của tháng cuối quý báo cáo;

d) Báo cáo 06 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 6 hằng năm;

e) Báo cáo năm: Chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Quy định cụ thể thời hạn đối với báo cáo định kỳ của Ủy ban nhân dân các cấp: Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là ngày 16 của tháng cuối kỳ báo cáo; Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh chậm nhất ngày 18 của tháng cuối kỳ báo cáo; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh báo cáo Ủy ban Dân tộc chậm nhất ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Báo cáo chuyên đề: Theo văn bản yêu cầu báo cáo.

3. Báo cáo đột xuất: Theo văn bản yêu cầu báo cáo. Đối với trường hợp cần báo cáo gấp những vụ việc về công tác dân tộc thì báo cáo ngay khi có sự việc xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra.

### **Điều 7. Nơi nhận báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo chính thức (báo cáo thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc báo cáo sử dụng chữ ký điện tử): Gửi về Ủy ban Dân tộc, 349 Đội Cấn, Ba

Đình, Hà Nội;

b) Đối với báo cáo thực hiện bằng văn bản giấy: file word hoặc bản định dạng pdf của báo cáo gửi qua hệ thống thư điện tử:

Báo cáo tuần: Gửi theo địa chỉ: Phongtkth@cema.gov.vn.

Báo cáo tháng, quý, 6 tháng đầu năm và báo cáo năm: Gửi theo địa chỉ: vutonghop@cema.gov.vn; đối với báo cáo của các địa phương đồng thời gửi vụ, đơn vị quản lý địa bàn của Ủy ban Dân tộc.

2. Báo cáo chuyên đề: Theo văn bản yêu cầu báo cáo.

3. Báo cáo đột xuất: Theo văn bản yêu cầu báo cáo. Đối với trường hợp cần báo cáo gấp những vụ việc về công tác dân tộc thì báo cáo tới các cấp có thẩm quyền.

### **Điều 8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo**

Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo; xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của bộ, địa phương để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 9. Báo cáo tuần**

1. Đối tượng báo cáo: Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

2. Nội dung và đề cương báo cáo tuần thực hiện theo Mẫu báo cáo số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 10. Báo cáo tháng và báo cáo quý**

1. Đối tượng báo cáo: Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh; các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

Thực hiện báo cáo các tháng: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 11; lồng ghép báo cáo tháng 3 vào báo cáo quý I, báo cáo tháng 6 vào báo cáo 6 tháng đầu năm; báo cáo tháng 9 vào báo cáo quý III và báo cáo tháng 12 vào báo cáo năm.

Thực hiện báo cáo quý I và quý III; lồng ghép báo cáo quý II vào báo cáo 6 tháng đầu năm, báo cáo quý IV vào báo cáo năm.

2. Nội dung báo cáo:

a) Báo cáo của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh: Nội dung và đề cương báo cáo tháng, quý thực hiện theo Mẫu báo cáo số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Cơ quan

công tác dân tộc cấp tỉnh. Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan gửi Ủy ban Dân tộc.

b) Báo cáo của các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc: Nội dung và đề cương báo cáo tháng, quý thực hiện theo Mẫu báo cáo số 03; đối với báo cáo quý lập Biểu tổng hợp số 001/ĐV/NV ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 11. Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm**

1. Đối tượng báo cáo: Các bộ; Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã (báo cáo 6 tháng), Ủy ban nhân dân các cấp (báo cáo năm); các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

2. Nội dung báo cáo:

a) Báo cáo của các bộ: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng, báo cáo năm thực hiện theo Mẫu báo cáo số 04 và Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng của Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh, báo cáo năm của Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện theo Mẫu báo cáo số 05, Biểu tổng hợp số 003 và các Biểu tổng hợp kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo (Biểu tổng hợp số 002/ĐP..., 003/ĐP..., 004/ĐP..., ...) ban hành kèm theo Thông tư này;

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ngành liên quan gửi Ủy ban Dân tộc.

c) Báo cáo của các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc: Nội dung và đề cương báo cáo 6 tháng, báo cáo năm thực hiện theo Mẫu báo cáo số 06, Biểu tổng hợp số 001/ĐV/NV và các Biểu tổng hợp kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo (Biểu tổng hợp số 002/ĐV/..., 003/ĐV/..., 004/ĐV/..., ...) ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 12. Báo cáo chuyên đề**

1. Đối tượng báo cáo: Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư này khi được yêu cầu.

2. Nội dung báo cáo: Báo cáo chuyên sâu về một nhiệm vụ, lĩnh vực công tác, một vấn đề quan trọng cần tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo điều hành và thực hiện trong lĩnh vực công tác dân tộc.

Nội dung cụ thể của báo cáo chuyên đề thực hiện theo văn bản hướng dẫn, yêu cầu báo cáo.

### **Điều 13. Báo cáo đột xuất**

1. Đối tượng báo cáo: Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 1 của

Thông tư này khi được yêu cầu.

2. Các trường hợp báo cáo đột xuất:

a) Báo cáo đột xuất theo văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc khi có yêu cầu của các cơ quan của Đảng, Nhà nước và của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;

b) Báo cáo gấp các vụ việc nổi cộm liên quan đến công tác dân tộc, phát sinh đột xuất như thiệt hại do thiên tai, diễn biến bất bình thường về an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng dân tộc thiểu số, chặt phá rừng, di cư đi và đến, hoạt động tôn giáo trái pháp luật và những vụ việc đột xuất khác (trừ những nội dung báo cáo thực hiện theo chế độ bảo mật).

3. Nội dung báo cáo: Tóm tắt tình hình diễn biến của sự việc và nguyên nhân phát sinh; những biện pháp đã áp dụng để xử lý và kết quả xử lý; những đề xuất, kiến nghị đối với các cấp có thẩm quyền.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Trách nhiệm thi hành**

1. Các bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc, Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc tổ chức triển khai, thực hiện chế độ báo cáo được quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban Dân tộc:

a) Thông qua hệ điều hành tác nghiệp, chuyển báo cáo của các bộ, địa phương cho các vụ, đơn vị có liên quan chậm nhất là 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo để kịp thời tổng hợp thông tin về tình hình vùng dân tộc và kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc;

b) Tổng hợp kết quả công tác chỉ đạo, điều hành và những vấn đề nổi cộm liên quan đến công tác dân tộc trong tuần, báo cáo Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc tại cuộc họp giao ban hàng tuần;

c) Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc giao.

3. Trách nhiệm của Vụ Tổng hợp Ủy ban Dân tộc:

a) Tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo công tác chỉ đạo điều hành định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm; báo cáo sơ kết công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và báo cáo tổng kết công tác dân tộc hàng năm của Ủy ban Dân tộc, gửi Văn phòng Chính phủ theo quy định;

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá, đôn đốc việc thực hiện Thông tư; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Thông tư của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và thông tin đến các bộ, địa phương làm căn cứ xem xét danh hiệu thi đua khen thưởng trong công tác dân tộc.

4. Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc được giao chủ trì tham mưu quản lý, chỉ đạo thực hiện các chính sách, chương trình, dự án: Chịu trách nhiệm xây dựng mẫu Biểu tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện của từng chính sách, chương trình, dự án theo hướng đơn giản hóa nội dung, tần suất báo cáo và đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo chính sách.

#### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2019 và thay thế Thông tư số 04/2014/TT-UBDT, ngày 01/12/2014 của Ủy ban Dân tộc quy định và hướng dẫn chế độ thông tin, báo cáo về công tác dân tộc.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh bằng văn bản về Ủy ban Dân tộc để kịp thời tổng hợp, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *lv*

Nơi nhận: *lv*

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó TT Trương Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Cơ quan CTDT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, Vụ TH (5b).

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**



**Đỗ Văn Chiến**

## ỦY BAN DÂN TỘC

### DANH MỤC

### CÁC MẪU ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

(Ban hành theo Thông tư số: 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc)

STT	TÊN MẪU ĐỀ CƯƠNG	TÊN BÁO CÁO	KỶ TỌNG HỢP	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI HẠN GỬI	GHI CHÚ
1	Mẫu báo cáo số 01 - Báo cáo tuần	Báo cáo Kết quả công tác tuần thứ...	Hàng tuần	Các vụ, đơn vị thuộc UBND	Chậm nhất 14h thứ 5 hàng tuần	Kèm báo cáo
2	Mẫu báo cáo số 02 - Báo cáo tháng (quý)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....	Tháng, quý	Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
3	Mẫu báo cáo số 03 - Báo cáo tháng (quý)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....	Tháng, quý	Các vụ, đơn vị thuộc UBND	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
4	Mẫu báo cáo số 04 - Báo cáo 6 tháng (năm)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm...(năm.....)	6 tháng, năm	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
5	Mẫu báo cáo số 05 - Báo cáo 6 tháng (năm)	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm...(năm.....)	6 tháng, năm	Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các cấp	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo
6	Mẫu báo cáo số 06 - Báo cáo 6 tháng và báo cáo năm	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm...(năm.....)	6 tháng, năm	Các vụ, đơn vị thuộc UBND	Chậm nhất là ngày 20 tháng cuối kỳ báo cáo	Kèm báo cáo



**MẪU BÁO CÁO SỐ 01 - BÁO CÁO TUẦN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)*

**ỦY BAN DÂN TỘC  
VỤ, ĐƠN VỊ.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO**

**Kết quả công tác tuần thứ...**

*(Từ ngày tháng năm..... đến ngày tháng năm.....)*

**I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TUẦN THỨ... (tuần báo cáo)**

**1. Các công việc đã thực hiện xong**

-  
-

**2. Các công việc đang thực hiện /chưa thực hiện xong**

-  
-

(Đối với từng công việc: Báo cáo kết quả đang thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân (nếu có), dự kiến tiến độ và kiến nghị, đề xuất biện pháp giải quyết).

**3. Các công việc chưa/không thực hiện**

-  
-

(Đối với từng công việc: Báo cáo lý do chưa thực hiện hoặc không thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân (nếu có), dự kiến tiến độ và kiến nghị, đề xuất biện pháp giải quyết).

**4. Đánh giá kết quả thực hiện**

Đánh giá chung kết quả thực hiện, ưu điểm, hạn chế.

**II. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN (các vụ, đơn vị quản lý địa bàn thực hiện)**

**1. Những vấn đề nổi cộm, đáng lưu ý về tình hình vùng DTTS&MN và thực hiện công tác dân tộc (nếu có).**

**2 Đề xuất, kiến nghị giải pháp xử lý, giải quyết**

**III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUẦN THỨ... (tuần tiếp theo)**

  
**THỦ TRƯỞNG VỤ, ĐƠN VỊ**

## MẪU BÁO CÁO SỐ 02 - BÁO CÁO THÁNG (QUÝ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

UBND TỈNH/TP....  
(cơ quan công tác dân tộc)

Số: /BC-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

### BÁO CÁO

#### Kết quả thực hiện công tác dân tộc tháng (quý)....

#### I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN

Tổng hợp tình hình vùng dân tộc thiểu số và miền núi nổi bật trong tháng (quý) về: sản xuất, đời sống, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; những vấn đề nổi cộm về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh, di cư... (nếu có)

#### II. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CÔNG TÁC DÂN TỘC

##### 1. Chỉ đạo, điều hành công tác dân tộc của địa phương (tỉnh/thành phố)

##### 2. Tình hình thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...
- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

##### 3. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan công tác dân tộc.

##### 4. Đánh giá chung

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc
- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

#### III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO

##### 1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện.

##### 2. Các kiến nghị, đề xuất.

THỦ TRƯỞNG  
(Ký tên, đóng dấu)

## MẪU BÁO CÁO SỐ 03 - BÁO CÁO THÁNG (QUÝ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

ỦY BAN DÂN TỘC  
VỤ, ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày... tháng... năm...

### BÁO CÁO

Kết quả công tác tháng (quý).....

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG (QUÝ)....

**1. Thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBND giao**

Báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ.

Đối với báo cáo quý lập Biểu tổng hợp số 001/ĐV/NV ban hành kèm theo Thông tư này.

**2. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của vụ, đơn vị**

**3. Tình hình và kết quả thực hiện các chương trình, dự án, đề án, chính sách dân tộc được giao tham mưu quản lý, chỉ đạo, thực hiện (Áp dụng với báo cáo quý của các vụ, đơn vị được giao chủ trì quản lý chính sách)**

- Công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, tổng kết...

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện (vốn kế hoạch, vốn thực giao, vốn giải ngân, tỷ lệ giải ngân, một số kết quả chủ yếu...)

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong quá trình thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.

**4. Tình hình vùng DTTS&MN (Các vụ, đơn vị được giao phụ trách địa bàn thực hiện hàng tháng, quý)**

**5. Đánh giá chung:** Đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; kết quả công tác; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

#### II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG (QUÝ) TIẾP THEO

**1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện**

**2. Kiến nghị, đề xuất**

**THỦ TRƯỞNG VỤ, ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

**MẪU BÁO CÁO SỐ 04: BÁO CÁO 6 THÁNG, NĂM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

BỘ .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc**  
**6 tháng đầu năm ...(năm.....)**

**I. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ; các chỉ thị, kết luận, quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP, ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC DÂN TỘC DO BỘ QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO**

1. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chính sách, chương trình, dự án thực hiện tại vùng DTTS&MN.

2. Tình hình triển khai và kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách hiện hành tác động trực tiếp đến vùng DTTS&MN.

Lập *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT* ban hành kèm theo Thông tư này

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC**

1. Kết quả đạt được

2. Một số hạn chế, khó khăn vướng mắc và nguyên nhân

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO**

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

3. Với Ủy ban Dân tộc

**BỘ TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

**I. BẢNG BÁO CÁO SỐ 05 - BÁO CÁO 6 THÁNG VÀ BÁO CÁO NĂM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

**UBND TỈNH(TP)/HUYỆN/XÃ..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Họ và TÊN CƠ QUAN DÂN TỘC CẤP TỈNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BC-

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm (năm.....)**

**I. TÌNH HÌNH VÙNG DTTS&MN 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)**

**1. Về sản xuất, đời sống** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Thu nhập bình quân đầu người? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo? tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo DTTS? tỷ lệ hộ tái nghèo? tình hình thiệt hại về người và tài sản do thiên tai? tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới? tỷ lệ xã có điện lưới quốc gia? tỷ lệ xã đường ô tô đến trung tâm xã? ...).

**2. Về văn hóa** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa? có nhà văn hóa đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ thôn, bản có nhà sinh hoạt cộng đồng?...)

**3. Về giáo dục** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ các cháu mầm non đến lớp? Tổng số học sinh được cử tuyển?...)

**4. Về y tế** (đối với báo cáo năm: ước tính một số chỉ tiêu: Tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia? tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ? tỷ lệ thôn, bản có cán bộ y tế? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng nước sạch? tỷ lệ hộ DTTS sử dụng hố xí hợp vệ sinh?...)

**5. Về an ninh trật tự**

Báo cáo tình hình an ninh trật tự, tôn giáo, tà giáo, đạo lạc, di cư tự do, nạn phá rừng, buôn bán ma túy, phụ nữ, trẻ em, tội phạm khác...

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG ĐẦU NĂM (NĂM...)**

**1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về công tác dân tộc**

- Công tác quán triệt, tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, và Nhà nước về công tác dân tộc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc và Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

- Ban hành các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

**2. Kết quả hoạt động của cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh**

- Tổ chức bộ máy, nhân sự; thay đổi chức năng, nhiệm vụ; phân cấp quản lý, chỉ đạo.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc: Theo dõi, tổng hợp tình hình vùng dân tộc; xây dựng và giao nhiệm vụ kế hoạch, huy động nguồn lực, phân bổ vốn, ban hành văn bản hướng dẫn; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc; tổ chức thăm hỏi ngày lễ, tết; thực hiện các chính sách an sinh xã hội...

### **3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc**

*3.1. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án, dự án, chính sách do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo:*

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng chính sách, chương trình, dự án.
- Lập các *Biểu tổng hợp số 002/ĐP/.., 003/ĐP/.., 004/ĐP/.., ...* ban hành kèm theo Thông tư này.

*3.2. Kết quả thực hiện một số chương trình, đề án, dự án, chính sách do các bộ, ngành khác quản lý, chỉ đạo:*

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện một số chính sách, chương trình, dự án tác động trực tiếp đến DTTS, thực hiện tại vùng DTTS&MN (Chương trình MTQG xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, các chính sách về y tế, văn hóa, giáo dục, dạy nghề...)

- Lập các *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT* ban hành kèm theo Thông tư này.

*3.3. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc đặc thù của địa phương:*

- Đề xuất, nghiên cứu, xây dựng đề án, chính sách mới.
- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hiện hành.

- Lập các *Biểu tổng hợp số 014/BN.ĐP/CSĐT* ban hành kèm theo Thông tư này.

### **4. Đánh giá chung**

Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi, khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân.

## **III. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRỌNG TÂM 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO**

**1. Kế hoạch nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm (hoặc năm sau).**

**2. Giải pháp thực hiện**

## **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Các kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành TW liên quan đến công tác dân tộc.

 TM/ UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)

**MẪU BÁO CÁO SỐ 06: BÁO CÁO 6 THÁNG VÀ BÁO CÁO NĂM**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01 /2019/TT-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc; áp dụng đối với các vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc)

ỦY BAN DÂN TỘC  
VỤ, ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-

....., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác 6 tháng (năm.....)**

**Đặc điểm tình hình của vụ, đơn vị**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC 6 THÁNG (NĂM)...**

**1. Thực hiện nhiệm vụ Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban giao**

1.1. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo kế hoạch đầu năm.

1.2. Tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao bổ sung, đột xuất ngoài kế hoạch đầu năm

**2. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của vụ, đơn vị**

Tình hình triển khai, kết quả thực hiện từng nhiệm vụ chuyên môn.

**3. Tổng hợp kết quả thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban giao**

- Tổng số nhiệm vụ được giao.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành (trong đó: Đúng hạn, quá hạn); số nhiệm vụ đang thực hiện (trong đó: Đúng hạn, quá hạn); số nhiệm vụ chưa triển khai thực hiện (trong đó: Còn trong hạn, quá hạn), lý do chưa thực hiện; số nhiệm vụ không thực hiện, giải trình lý do không thực hiện.

- Lập *Biểu tổng hợp số 001/ĐV/NV* ban hành kèm theo Thông tư này

**4. Kết quả thực hiện các công tác khác**

a) Công tác tổ chức, cán bộ.

b) Công tác kế hoạch, tài chính.

c) Công tác cải cách hành chính.

d) Công tác thi đua, khen thưởng.

e) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, bảo vệ chính trị nội bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

g) Thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban và của vụ, đơn vị.

h) Công tác khác.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, CHÍNH SÁCH (các vụ, đơn vị được giao tham mưu quản lý, chỉ đạo chính sách thực hiện báo cáo)

- Tình hình tiên khai, kết quả thực hiện của từng chương trình, đề án, dự án, chính sách. Đánh giá kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn vướng mắc trong thực hiện chính sách.

- Lập các *Biểu tổng hợp số 002/ĐV/.., 003/ĐV/.., 004/ĐV/.., ...* ban hành kèm theo Thông tư này.

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá kết quả công tác của vụ, đơn vị: Kết quả đạt được; những ưu điểm, thuận lợi; khó khăn, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân.

2. Đánh giá kết quả công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc

a) Công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban Dân tộc.

## IV. TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Các vụ, đơn vị được giao phụ trách địa bàn thực hiện báo cáo)

## V. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC 6 THÁNG (NĂM) TIẾP THEO

1. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện.

2. Kiến nghị, đề xuất

THỦ TRƯỞNG VỤ, ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)